

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2022/DS-ST
Ngày: 22 – 9 – 2022
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyến-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2022/TLST-DS, ngày 21 tháng 7 năm 2022, về tranh chấp Hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2022/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2022/QĐST-DS, ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị M, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 234, Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Phạm Út D, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966, cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 15/7/2022 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Võ Thị M trình bày:*

Bà có làm đầu thảo hụi tháng, còn vợ chồng Ông Phạm Út D, bà Nguyễn Thị B là hụi viên. Ông D và bà B có tham gia chơi 02 dây hụi tháng do bà làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở vào ngày 15/11/2019 (âm lịch), gồm có 24 người tham gia, vợ chồng Ông D, bà B tham gia 01 chung, đã hốt hụi

và đóng được 19 lần, sau đó đến ngày 15/6/2021 (âm lịch) thì ngưng đóng, nên bà phải đóng thay cho vợ chồng Ông D, bà B 5 lần, thành tiền là 5.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mở vào ngày 15/11/2019 (âm lịch), gồm có 24 người tham gia, vợ chồng Ông D, bà B tham gia 01 chung, đã hốt hụi và đóng được 19 lần, sau đó đến ngày 15/6/2021 (âm lịch) thì ngưng đóng, nên bà phải đóng thay cho vợ chồng Ông D, bà B 5 lần, thành tiền là 5.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc vợ chồng Ông Phạm Út D và bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà số tiền nợ hụi 10.00.000 đồng và tiền lãi từ ngày bà đóng thay cho vợ chồng Ông D, bà B (ngày 15/6/2021 âm lịch) đến nay.

**Bị đơn Ông Phạm Út D và bà Nguyễn Thị B đều vắng mặt, không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Võ Thị M.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng

[1] Tại phiên tòa, bị đơn Ông Phạm Út D và bà Nguyễn Thị B, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do; nguyên đơn Bà Võ Thị M vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận và giao kết hợp đồng góp hụi với nhau, theo hai dây hụi mà nguyên đơn đã trình bày, trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Căn cứ vào hai danh sách hụi viên mà nguyên đơn cung cấp, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho bị đơn biết về việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền hụi 10.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định từ ngày 15/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 24/7/2021 dương lịch) đến nay. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến của mình, cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện

mà nguyên đơn đưa ra. Cho nên, đây là những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”*. Tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định Hộ, hội, biểu, phường: *“Hộ, hội, biểu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên”*.

[5] Như vậy, có căn cứ xác định, nguyên đơn và bị đơn có tham gia chơi hội với nhau, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hội 10.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 166, 351, 357 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hội 10.000.000 đồng.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn tính từ ngày 24/7/2021 đến nay là không có căn cứ chấp nhận, vì số tiền nợ hội mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 10.000.000 đồng đã bao gồm tiền lãi.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần, nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận, cụ thể:

- Buộc bị đơn phải chịu phải liên đới chịu án phí có giá ngạch là $11.156.190 \text{ đồng} \times 5\% = 557.809 \text{ đồng}$.

- Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 166, 351, 357 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị M, buộc vợ chồng Ông Phạm Út D và bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà M số tiền 10.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị M về việc buộc vợ chồng Ông D và bà B trả số tiền lãi 1.156.190 đồng.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc Bà M phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003974, ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, Bà M đã nộp xong án phí.

- Buộc vợ chồng Ông D, bà B phải liên đới chịu 557.809 đồng.

5. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Vinh Thắng